**Bảng phân chia công việc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chương** | **Công việc** | **Người thực hiện** |
| 1. Tổng quan đồ án | Tìm hiểu quy trình thác nước. | Tất cả thành viên |
| Thiết kế bìa. | Trường |
| Mô tả đề tài + lý do chọn đề tài. | Hùng |
| Mục tiêu + phạm vi + ý nghĩa của đề tài. | Hoàng |
| Tổng quan quy trình thác nước. | Lợi, Phúc |
| Tổng quan các công cụ. | Lợi, Phúc |
| Lập activity bar chart. | Hùng, Hoàng |
| 2. Xác định và thu thập yêu cầu | Khảo sát hiện trạng. | Lợi |
| Xác định yêu cầu chức năng và phi chức năng. | Tất cả |
| BRD, PRD chức năng đăng nhập, đăng xuất, chức năng bán hàng, chức năng thống kê báo cáo theo thời gian. | Hùng |
| BRD, PRD chức năng quản lý thể loại thể sản phẩm, quản lý sản phẩm. | Lợi |
| BRD, PRD chức năng quản lý món thêm, quản lý nhân viên. | Hoàng |
| BRD, PRD chức năng quản lý tài khoản đăng nhập, quản lý đơn hàng. | Trường |
| 3. Phân tích thiết kế | BFD. | Hùng |
| DFD tổng quát từng chức năng tìm kiếm, thêm, sửa thể loại sản phẩm, sản phẩm. | Lợi |
| DFD tổng quát từng chức năng tìm kiếm, thêm, sửa món thêm, và tìm kiếm thêm, xóa, sửa, nhân viên. | Hoàng |
| DFD tổng quát từng chức năng tìm kiếm, thêm, sửa, xóa tài khoản, và tìm kiếm, xóa, in đơn hàng. | Trường |
| DFD tổng quát từng chức năng thống kê sản phẩm, thống kê món thêm, thống kê doanh thu, lập đơn hàng tại bàn, lập đơn hàng mang về, thanh toán đơn hàng tại bàn. | Hùng |
| DFD mức ngữ cảnh, mức 0, mức 1 | Hùng, Hoàng |
| DFD mức 2, 3 quản lý thể loại sản phẩm, quản lý sản phẩm. | Lợi |
| DFD mức 2, 3 quản lý món thêm, quản lý nhân viên. | Hoàng |
| DFD mức 2, 3 quản lý tài khoản đăng nhập, quản lý đơn hàng. | Trường |
| DFD mức 2 bán hàng | Hùng |
| Usecase và đặc tả chức năng quản lý thể loại sản phẩm, quản lý sản phẩm. | Lợi, Phúc |
| Usecase và đặc tả chức năng quản lý món thêm, quản lý nhân viên. | Hoàng, Phúc |
| Usecase và đặc tả chức năng quản lý đơn hàng, tài khoản đăng nhập. | Trường |
| Usecase và đặc tả chức năng bán hàng, thống kê báo cáo, đăng nhập, đăng xuất. Usecase tổng quát. | Hùng |
| Sequence chức năng quản lý thể loại sản phẩm, quản lý sản phẩm. | Lợi |
| Sequence chức năng quản lý món thêm, quản lý nhân viên. | Hoàng |
| Sequence chức năng quản lý đơn hàng, tài khoản đăng nhập. | Trường |
| Sequence chức năng bán hàng, đăng nhập. | Hùng |
| Sequence chức năng thống kê báo cáo | Phúc |
| Sơ đồ class | Hùng, Lợi |
| Phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu (ERD, lược đồ cơ sở dữ liệu) | Hùng |
| Thiết kế giao diện đăng nhập, menu chọn chức năng. | Hùng |
| Thiết kế giao diện chức năng quản lý sản phẩm, thể loại sản phẩm. | Lợi |
| Thiết kế giao diện chức năng quản lý đơn hàng, tài khoản đăng nhập. | Trường |
| Thiết kế giao diện chức năng quản lý món thêm, nhân viên. | Hoàng |
| Thiết kế giao diện chức năng bán hàng, thống kê sản phẩm, món thêm và doanh thu. | Hùng |
| Mô tả giao diện, lập bảng xử lý, các hàm. | Hùng, Phúc, Hoàng |
| 4. Lập trình và kiếm thử | Cài đặt cơ sở dữ liệu. | Hùng |
| Lập trình giao diện đăng nhập, menu chọn chức năng. | Hùng, Trường |
| Lập trình giao diện nhân viên, món thêm, tài khoản đăng nhập, thể loại sản phẩm, đơn hàng. | Hoàng |
| Lập trình giao diện bán hàng, sản phẩm, thống kê sản phẩm, thống kê món thêm, thống kê doanh thu. | Hùng |
| Lập trình xử lý chức năng bán hàng, thống kê, quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng và đăng nhập. | Hùng |
| Lập trình xử lý chức năng quản lý nhân viên, quản lý thể loại sản phẩm. | Hoàng |
| Lập trình xử lý chức năng quản lý tài khoản đăng nhập, quản lý món thêm. | Trường |
| Kiểm thử phần mềm | Tất cả |
| Viết tài liệu | Tổng hợp tài liệu | Hùng, Hoàng |
| Thiết kế slide thuyết trình | Lợi |

**Đánh giá phần trăm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên** | **Vai trò** | **Nhận xét** | **Phần trăm đóng góp** |
| 1 | Võ Văn Hùng | Leader |  | 113% |
| 2 | Thiều Việt Hoàng | Thư ký | Tích cực, deadline đúng hạn, tỉ mỉ. | 118% |
| 3 | Đoàn Thành Lợi | Thành viên | Tích cực, deadline đúng hạn, tỉ mỉ, chịu khó. | 113% |
| 4 | Lộc Gia Phúc | Thành viên | Chia sẻ nhiều kinh nghiệm, nhưng thường xuyên trễ hạn deadline, không hoàn thành task được giao, thiếu tính tỉ mỉ. | 60% |
| 5 | Nguyễn Hoàng Giang Trường | Thành viên | Deadline đúng hạn, nhưng thiếu tính tỉ mỉ. | 95% |

Kết quả bảng đánh giá dựa vào khối lượng công việc, quá trình làm việc, hiệu quả làm việc và chất lượng từ kết quả thu được của các thành viên trong nhóm. Mọi số liệu đánh giá điều là tương đối.

**Biểu đồ đánh giá % đóng góp của mỗi thành viên**